

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2020

V/v “Ly hôn, t/c nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Xuân Dệt**.

2. Bà **Lê Thị Thanh Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Lệ Quyên** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà **Cao Thảo Nga** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 751/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Voòng T**. Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: 30/2 đường S, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Bùi T**. Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: 111 đường C, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Voòng T** trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh **Bùi T** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/11/2015. Ngay sau khi bắt đầu cuộc sống hôn nhân giữa tôi và anh T đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, vợ chồng không hiểu nhau, không cùng suy nghĩ. Anh T không lo kiếm việc làm mà ham chơi nợ nần, không quan tâm đến gia đình. Tôi cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, chúng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, chúng tôi không cùng nhau tiếp tục chung sống nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh **Bùi T**.

- Về con chung: Tôi và anh Bùi T có một con chung là Bùi A, sinh ngày 18/7/2017. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Bùi T. Tuy nhiên, anh Bùi T không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, anh T không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa chị Voòng T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: chị Voòng T được ly hôn với anh Bùi T. Về con chung: giao con chung là Bùi A, sinh ngày 18/7/2017 cho chị Voòng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Voòng T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Bùi T có địa chỉ tại 111 đường C, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Voòng T và anh Bùi T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/11/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Voòng T trình bày thì ngay sau khi bắt đầu cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, vợ chồng không hiểu nhau, không cùng suy nghĩ. Anh T không lo

kiếm việc làm mà ham chơi nợ nần, không quan tâm đến gia đình. Chị T cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, hiện chị T và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh T trong quá trình chung sống đã xảy ra trong thời gian dài nhưng cả hai người không có biện pháp gì để cải thiện, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được.

Đối với anh Bùi T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để đến Tòa án tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ anh T không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với chị T hay không. Tại phiên toà chị Voòng T khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh T, nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh T là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Voòng T và anh Bùi T có một con chung là Bùi A, sinh ngày 18/7/2017. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh T sống ly thân với chị T thì cháu A đều ở với chị T và được chăm sóc nuôi dạy chu đáo, hiện nay cháu vẫn chưa đủ 03 tuổi. Nay ly hôn chị T vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu A, sinh ngày 18/7/2017 cho chị Voòng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Voòng T. Chị Voòng T được ly hôn với anh Bùi T.

2. Về con chung: Giao cho chị Voòng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Bùi A, sinh ngày 18/7/2017 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: chT không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002055 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Bùi T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà

